

Đo lường tác động của việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) tại các nước đang phát triển là một việc cần làm nhưng không phải dễ dàng. WTO đã và đang đem lại nhiều cơ hội mới cho tăng trưởng và phát triển cho nhiều ngành kinh tế. Tuy vậy, WTO cũng đã làm suy giảm niềm tin ở nhiều nước do những tác động tiêu cực của nó đến một số ngành kinh tế. Với các nước nghèo thì mối quan ngại hàng đầu chính là khu vực nông nghiệp, khu vực này cho đến nay vẫn còn nhiều bất đồng và tranh chấp vì tính nhạy cảm khá đi có thể xảy ra do cộng đồng dân số nông nghiệp vẫn chiếm đa số tại các nước này. Dự báo những khó khăn và gợi ý một số chính sách cho nền nông nghiệp VN khi đã trở thành thành viên chính thức WTO sẽ là nội dung chính của bài viết này.

WTO và nông nghiệp, nông thôn các nước đang phát triển

Tại các nước đang phát triển, nông nghiệp có vai trò hết sức quan trọng. Đầu tiên là vì phần lớn người dân ở các nước này sống dựa vào nghề nông. Đồng thời, chính nông nghiệp là khu vực tạo ra lương thực để nuôi sống nông dân cũng như dân thành thị. Trong một số trường hợp, dân số nông thôn còn là đối tượng tiêu thụ các sản phẩm của khu vực công nghiệp hiện đại. Ngoài ra, trừ phi là một nước giàu các tài nguyên như dầu và khoáng sản thì hầu hết các quốc gia phải dựa vào nông sản xuất khẩu để có ngoại tệ nhập khẩu các loại hàng hóa cần thiết cho nền kinh tế. Chính vì vậy mà hầu hết các quốc gia đều rất muốn bảo vệ nền nông nghiệp của mình, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Với tầm quan trọng như trên, nông nghiệp đã là một chủ đề gây tranh cãi ngay từ thời của GATT và bây giờ vẫn tồn tại trong các cuộc họp hay các tranh chấp thuộc WTO. Ở chủ đề này, các thành viên của WTO thường chia thành hai nhóm: các nước nghèo với nền nông nghiệp yếu kém và các nước

Cam kết gia nhập WTO và tác động đối với nông nghiệp nông thôn Việt Nam

PGS. TS. NGUYỄN TRỌNG HOÀI & Thạc sĩ VÕ TẤT THẮNG

Trước hết hãy giúp họ hoàn thiện kỹ năng di chuyển ngược dòng để đi ra thị trường thế giới. Sau cùng, cũng nên gửi cho họ chiếc áo phao phòng khi rơi xuống nước. Chiếc áo phao này được trao từ tay của Chính phủ với các hỗ trợ cần thiết nhằm hoàn thiện kỹ năng cạnh tranh trong bối cảnh thị trường toàn cầu.



Ảnh Trúc Lam

giàu với nền nông nghiệp tiên tiến. Nội dung chính là những bất đồng xoay quanh Hiệp định nông nghiệp, trong đó bao gồm ba khoản mục chính: Thứ nhất là các quy định mở cửa thị trường buộc các thành viên phải giảm thuế quan và bỏ các hàng rào phi thuế. Thứ hai là việc giảm các hỗ trợ trong nước để giảm thiểu các bóp méo thị trường đối với các mặt hàng nông sản. Cuối cùng là giảm trợ cấp xuất khẩu. Việc thực thi hiệp định là bắt buộc và đòi hỏi áp dụng như nhau đối với các thành viên cho dù các nước thành viên WTO khác nhau về trình độ phát triển. Tuy nhiên, do có một số ngoại lệ trong việc áp dụng các

điều khoản trên nên nhiều nước (đa phần là các quốc gia đã phát triển) đã khai thác và áp dụng triệt để khiến các nước đang phát triển nhiều phen lao đao và do đó họ phản đối quyết liệt. Như vậy có nghĩa là: WTO vẫn tồn tại trên thế giới, nhưng các cam kết của nó chưa hẳn là đồng thuận hoàn toàn trong lĩnh vực nông nghiệp.

Thực tế trên bàn thương lượng của WTO đã có lúc xuất hiện cụm từ "tính đa chức năng của nông nghiệp". Đây là một thuật ngữ với ý nghĩa rằng nông nghiệp không chỉ là một lĩnh vực sản xuất mà còn mang những chức năng quan trọng như bảo vệ môi trường, an ninh lương

thực, văn hóa và tạo cảnh quan địa phương theo hướng sinh thái bền vững. Trong nhiều trường hợp, các nước đã sử dụng điều này như một lý do để biện hộ cho chủ nghĩa bảo hộ của họ. Cho nên, có nghiên cứu đã nói rằng Hiệp định nông nghiệp trong khuôn khổ WTO chỉ thực sự đem đến cho các nước đang phát triển những món lợi nhỏ, và các lợi ích này lại thường rơi vào tay những nhà xuất khẩu trung gian hơn là đồng dân tiểu nông không có tổ chức nhưng lại trực tiếp tạo ra sản phẩm nông nghiệp xuất khẩu. Như vậy, việc thực hiện những điều chỉnh theo cam kết về nông nghiệp theo WTO có thể lại "đặt gánh nặng lên vai các nước đang phát triển chứ không phải là các quốc gia khác có đủ khả năng duy trì một mức cao những sự hỗ trợ nội địa và trợ cấp xuất khẩu."

Bỏ qua những bất công tồn tại trong việc thực thi các hiệp định của WTO, nông nghiệp và nông thôn các nước đang phát triển khi gia nhập WTO cũng có thể gặp nhiều khó khăn khi phải giảm thuế quan và dỡ bỏ các rào cản cho hàng cạnh tranh từ nước ngoài. Ủng hộ quan điểm này là một nhận định "nặng ký" đến từ nhà kinh tế học đoạt giải Nobel từng làm việc cho Ngân hàng thế giới, Joseph Stiglitz. Phát biểu tại hội nghị các nhà doanh nghiệp ở Manila ngày 20 tháng 10 năm 1999, Stiglitz cho rằng việc xóa bỏ bảo hộ nông nghiệp và các hàng rào phi thuế quan ở các nước đang phát triển có thể gây rất nhiều tai hại.

Mexico, một nước áp dụng chính sách tự do hóa nhanh chóng mà không có đảm bảo an ninh lương thực. Từ những năm 1980, đầu tư và thương mại ở Mexico phát triển tăng vọt nhưng đã không đem lại lợi ích cho nền kinh tế quốc gia nói chung. Sau năm 1986, khi Mexico gia nhập GATT và cương quyết theo chủ trương bỏ hỗ trợ nông nghiệp, hậu quả xã hội đến với nước này thật sự nghiêm trọng. Năm 1994, nội chiến đã bùng lên ở bang cực nghèo Chiapas và sự phản đối ngày càng rộng của các tổ chức nông dân. Lạm phát rất cao (52%

năm 1995 và 27,7% năm 1996) khiến việc tiêu thụ lương thực giảm 30% và nạn đói lan rộng. Các ngân hàng dần hạn chế các khoản vay phát triển cho nông dân (khoảng 18% người sản xuất được cấp tín dụng chính thức). Năm 1996, hàng triệu nông dân nghèo đói, sống nhờ vào việc trồng ngô, lúa mì, đỗ tương... phải đối mặt với cạnh lương thực (đặc biệt là ngô) nhập khẩu ở ạt từ Mỹ làm giảm 20% giá nội địa. Tình trạng thiếu việc làm và việc chính phủ rút khỏi lĩnh vực nông nghiệp đã làm cho an ninh lương thực ở nhiều vùng nông thôn trở nên ảm đạm hơn. Nội bộ những người nông dân chia làm nhiều nhóm: cực trên là nhóm 10% giàu có chuyên phục vụ thị trường thế giới được hưởng các chương trình hỗ trợ của chính phủ và cực dưới là nhóm khoảng 50% dân nông thôn cày kéo trên đất cằn, không có phân hóa học.

Ấn Độ cũng bị tác động rất nhiều từ sau khi gia nhập WTO vào năm 1995. Tỷ trọng hàng nông nghiệp trong xuất khẩu của Ấn Độ đã sụt giảm trong giai đoạn 1995-2003. Trong thời gian này, trợ cấp nông nghiệp của các nước phát triển cũng tăng. Điều này càng làm cho hàng nông sản Ấn Độ khó cạnh tranh hơn khi ra tham gia thị trường toàn cầu. Lợi nhuận từ mùa màng sụt giảm do chi phí sản xuất tăng, khan hiếm nước và hệ thống tiếp thị yếu kém. Tăng trưởng năng suất và chất lượng nông sản trở thành thách thức quá lớn đối với Ấn Độ bên cạnh việc dỡ bỏ các hàng rào đối với hàng nhập khẩu. Hậu quả là nhiều nông dân đã rơi vào vòng nợ nần và thậm chí là tự tìm lấy cái chết.

Trung Quốc một lần nữa cho thấy những tác động phức tạp của WTO lên nông nghiệp. Sau sáu năm, nghiên cứu tác động chung cho thấy gia nhập WTO tác động chủ yếu vào nhập khẩu nhiều hơn xuất khẩu, nhằm vào các sản phẩm đậu nành, hạt cải dầu, bông vải và len. Nông dân trong nước là người chịu thiệt nhiều nhất do thiếu khả năng cạnh tranh, giao thông kém và thiếu thông tin thị trường. Cơ cấu sản xuất nông

nghiệp có sự điều chỉnh khá rõ. Ngoại trừ chăn nuôi được mở rộng thì cả ngành trồng trọt và thủy sản đang có dấu hiệu sụt giảm. Trong các loại cây trồng thì có rau quả tăng trưởng mạnh (theo xu hướng trước khi gia nhập WTO), trái cây tăng đều đặn trong khi ngô thì tăng giảm thất thường, lúa gạo và bột mì có xu hướng giảm. Nhập khẩu vào Trung Quốc đa phần từ Mỹ, quốc gia có nhiều khoản trợ cấp nông nghiệp. Việc làm trong nông nghiệp sụt giảm nhanh chóng. Thu nhập thực của người nông dân nhìn chung có gia tăng nhưng xu hướng không rõ ràng. Nguồn thu nhập cũng thay đổi. Các hoạt động phi nông nghiệp đóng góp hơn 50% và di dân ra thành thị là một trong những yếu tố đóng góp quan trọng. Khoảng cách giữa nông thôn và thành thị là 3,2 lần năm 2004-2005, cao hơn mức 2,6 năm 1978 và 2,2 năm 1990. Thậm chí nếu tính đầy đủ các phúc lợi khác mà người thành thị hưởng thì khoảng cách thu nhập là từ 5 đến 6 lần. Nông nghiệp, nông thôn và đời sống nông dân trở thành mối quan tâm lớn nhất của chính phủ Trung Quốc sau vài năm gia nhập WTO.

Bức tranh ở nông thôn đang cho thấy những hình ảnh trái ngược với kinh tế Trung Quốc. Kể từ khi gia nhập WTO đến nay, Trung Quốc luôn là nước có mức tăng trưởng thương mại nhanh nhất thế giới. Họ trở thành nước có giá trị thương mại lớn thứ ba sau Liên minh châu Âu và Mỹ. Hàng rào xuất nhập khẩu bị hạ thấp sau khi gia nhập WTO khiến Trung Quốc nhanh chóng trở thành một nước lớn về thương mại. Chỉ trong năm năm, kim ngạch mậu dịch từ chỗ chiếm 40% GDP trong năm 2001, đã chiếm tới 80% trong năm 2005. Trung Quốc hiện là đối tượng trong rất nhiều tranh chấp thương mại và mâu thuẫn mậu dịch với các nước khác gay gắt do sự mất cân đối trong xuất nhập khẩu gây ra. Hơn ai hết, người Trung Quốc hiểu rằng tăng trưởng kinh tế ở khu vực thành thị đang phải đánh đổi tình trạng suy thoái ở nông thôn.

Nông thôn và nông nghiệp VN: Thành tựu và khó khăn

So với thế giới, nông nghiệp VN khi gia nhập WTO vẫn còn là một nền nông nghiệp chậm phát triển. Tuy nhiên, những thay đổi bắt đầu từ công cuộc đổi mới từ cách đây một thập kỷ đã đem lại không ít thành tựu quan trọng trong quá trình phát triển nông nghiệp, đóng góp không nhỏ vào kết quả tăng trưởng kinh tế đầy ấn tượng trong nhiều năm qua. Với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 4%/năm từ năm 1988 đến nay, nông nghiệp VN đã chuyển từ tình trạng tự cung tự cấp sang việc sản xuất hàng hóa hướng vào xuất khẩu. Năm 2005, xuất khẩu nông lâm sản đạt 5,7 tỷ USD, bình quân tăng 17,25%/năm trong 5 năm 2001-2005, trong đó gạo xuất khẩu 1,3 tỷ USD đứng hàng thứ hai trên thế giới, sản phẩm gỗ là 1,4 tỷ USD. Tỷ suất hàng hóa của gạo đạt 25%, cà phê 95%, cao su 85%, chè 75%, điều hạt 90%, hồ tiêu 98%. Đây cũng là các mặt hàng có thị phần lớn trong khu vực và thế giới, khả năng cạnh tranh khá và đem lại hiệu quả kinh tế nhất định cho người nông dân bên cạnh thủy sản và đồ gỗ.

Sản lượng và diện tích đa số các loại cây trồng tăng khá nhanh. Chẳng hạn như so với năm 2000, năm 2005 diện tích cao su tăng 48.000 ha (tăng 11,6%), hồ tiêu tăng 25.000 ha (tăng 92,5%), điều tăng 104.600 ha (tăng 1,5 lần), chè tăng 32.000 ha (tăng 36%). Sản lượng các cây công nghiệp cũng tăng: cao su tăng 37,55%, hồ tiêu 87,7%, điều gấp 3,05 lần, chè tăng 45,2%. Các cây công nghiệp ngắn ngày (trừ mía vẫn ở mức 330.000 ha) cũng tăng khá: đỗ tương tăng 76.000 ha (tăng 61%) và tăng sản lượng 80,8%, lạc tăng 20.000 ha (tăng 8,2%) và tăng sản lượng 30,7%, bông vải tăng 9.400 ha (tăng 50,5%) và tăng sản lượng 86,1%, sản lượng mía cũng tăng 7,9%... Cây ăn quả từ 565.000 ha năm 2000 tăng thêm 190.000 ha, đạt 755.000 ha năm 2005, bình quân mỗi năm trồng mới trên 38.000 ha (9,8%/năm).

Diện tích gieo trồng lúa giảm 340.000 ha, nhưng nhờ tăng năng suất lúa từ 4,24 tấn/ha/năm 2000 lên 4,9 tấn/ha/năm 2005 nên sản lượng lúa đã liên tục tăng từ 32,5 triệu tấn năm 2000 lên 35,8 triệu tấn năm 2005. Tỷ lệ gạo xuất khẩu tăng từ dưới 10% năm 2000 lên 30% năm 2005. Các năm gần đây xuất khẩu gạo liên tục đạt mức 3,5-4 triệu tấn/năm. Riêng năm 2005, đạt mức kỷ lục xuất khẩu 5,2 triệu tấn gạo, tăng 1,1 triệu tấn so với năm 2004 (tăng 28%).

Cùng với xu hướng trên, chăn nuôi cũng có những tiến bộ đáng kể. Mặc dù dịch cúm gia cầm diễn ra trên diện rộng trong 2 năm 2004 - 2005, nhưng giá trị chăn nuôi trong cơ cấu nông nghiệp vẫn tăng từ 19,3% năm 2000 lên 22,4% năm 2005. So với năm 2000, năm 2005 đàn lợn tăng 38,7%, bò thịt tăng 28%, bò sữa tăng 2,2 lần, gia cầm tăng 11,27%. Hiện cả nước có 197 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi với tổng công suất 5,4 triệu tấn; so với năm 2001, đến năm 2005 đã tăng thêm 71 nhà máy với 2,1 triệu tấn công suất.

Tuy nhiên, kinh tế nông thôn vẫn còn nặng về nông nghiệp (65%), trong nông nghiệp vẫn nặng về trồng trọt (78%), chăn nuôi mới chỉ 22%, giá trị dịch vụ trong nông thôn còn quá nhỏ bé. Sản xuất nông nghiệp ở nước ta về cơ bản vẫn là sản xuất thủ công với quy mô nhỏ nên chất lượng sản phẩm thấp và không đồng bộ, khó đáp ứng nhu cầu tiêu chuẩn ngày càng cao trên thị trường thế giới. Việc chuyển giao công nghệ mới còn chậm, nhiều công trình nghiên cứu còn nặng về hình thức. Một số vùng còn thiếu nước tưới như duyên hải miền Trung mới đạt tỷ lệ 65% diện tích được tưới, miền núi phía Bắc 49%, Đông Nam Bộ 54%, Tây Nguyên 20%. Sản xuất nông nghiệp ở các vùng cao, vùng sâu chưa có dấu hiệu khá quan trọng những năm sắp tới. Do đó, chênh lệch về thu nhập và mức sống giữa nông thôn với thành thị, giữa các vùng vẫn còn lớn và đang có dấu hiệu gia tăng (năm 2002 còn ít nhất là 2,2 lần). Tình trạng thiếu việc làm ở nông

thôn đang ngày càng gay gắt, nhất là ở các vùng đất chật, người đông như ở đồng bằng sông Hồng, duyên hải miền Trung.

Cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn tuy đã được tăng cường nhưng còn yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa. Đầu tư nông nghiệp những năm qua tập trung cho thủy lợi, nhưng chủ yếu phục vụ trồng lúa. Giao thông vận tải, thông tin liên lạc còn rất thiếu và yếu. Đặc biệt cơ sở hạ tầng phục vụ thương mại như chợ, cửa hàng, bến bãi, đường sá và phương tiện vận tải phục vụ buôn bán rất thiếu. Doanh nghiệp nông nghiệp chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ, có khoảng 1.015 (1,3%) năm 2004 và 1.044 (1,11%) năm 2005, trong đó ngoài quốc doanh là 465 doanh nghiệp (44,5%). Công tác tiếp thị, nghiên cứu thị trường, thông tin thị trường nông sản trong nước và thế giới chưa được quan tâm đầu tư đúng mức dẫn đến tình trạng kim hàm sản xuất, gây tổn thất cho nông dân. Đầu tư nông, lâm nghiệp và thủy sản còn ở mức thấp, không đồng bộ, chưa tương xứng với tiềm năng và sự đóng góp của ngành nông nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân.

Trước thực tế đó, tương lai phát triển của nông nghiệp và nông thôn VN trở thành mối bận tâm của nhiều người. Phát triển sản xuất, tạo việc làm, cải thiện mức sống và giảm tỷ lệ nghèo đói cho người nông dân là mục đích mà các nhà lãnh đạo đặt ra nhưng lúc này đang đối mặt với nhiều rào cản mà chúng ta phải cố gắng vượt qua khi nhìn nhận kinh nghiệm của Mexico, Ấn Độ, và Trung Quốc.

Những cam kết của VN trong nông nghiệp

Theo cam kết gia nhập WTO, VN đồng ý ràng buộc mức trần cho toàn bộ biểu thuế nhập khẩu (10.600 dòng thuế khác nhau). Mức thuế bình quân toàn biểu được giảm từ mức hiện hành 17,4% xuống còn 13,4% thực hiện dần theo lộ trình khoảng từ 5-7 năm. Mức thuế bình quân đối với hàng nông sản giảm từ mức hiện hành 23,5% xuống còn

20,9% thực hiện dần theo lộ trình từ 5-7 năm. Với hàng công nghiệp từ 16,8% xuống còn 12,6% thực hiện chủ yếu theo lộ trình từ 5-7 năm. Cụ thể, có khoảng hơn 1/3 số dòng thuế sẽ phải cắt giảm, chủ yếu là các dòng có thuế suất trên 20%. Các mặt hàng trọng yếu, nhạy cảm đối với nền kinh tế như nông sản, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng, ô tô-xe máy... vẫn duy trì được mức bảo hộ nhất định. Những ngành có mức giảm thuế nhiều nhất bao gồm: dệt may, cá và sản phẩm cá, gỗ và giấy, hàng chế tạo khác, máy móc và thiết bị điện - điện tử.

Riêng về trợ cấp nông nghiệp, VN buộc phải bỏ toàn bộ trợ cấp xuất khẩu đối với hàng nông sản ngay khi gia nhập. Tuy nhiên VN bảo lưu quyền được hưởng một số quy định riêng của WTO dành cho nước đang phát triển trong lĩnh vực này. Các khoản hỗ trợ trong nước được duy trì ở mức 10% giá trị sản lượng nông nghiệp (mức hỗ trợ trong nước thực tế hiện đang thấp hơn 10%). Ngoài mức này, VN còn được sử dụng thêm một số khoản hỗ trợ nữa (hỗ trợ trực tiếp trên giá hoặc số lượng sản phẩm) vào khoảng 4.000 tỷ đồng mỗi năm, một mức khá lớn mà trong nhiều năm nữa ngân sách để hỗ trợ cho nông nghiệp cũng chưa đủ sức. Các loại trợ cấp gián tiếp mang tính chất khuyến nông, hỗ trợ nghiên cứu phát triển, đào tạo phát triển nhân lực, hỗ trợ vùng khó khăn, trợ giúp phát triển làng nghề, hỗ trợ bảo vệ môi trường hay đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ nông nghiệp được WTO cho phép được áp dụng không hạn chế.

Có thể thấy, những thành phần chính trong cam kết gia nhập WTO có thể ảnh hưởng đến khu vực nông nghiệp VN bao gồm: Loại bỏ những rào cản phi thuế đối với nông sản hàng hóa; loại bỏ những trợ cấp trực tiếp cho xuất khẩu nông sản; giảm thuế nhập khẩu nông sản; bãi bỏ độc quyền nhà nước và cho phép các doanh nghiệp tư tham gia vào kinh doanh nông sản. Và đây chính là lúc chúng ta cùng xem lại tác động khả dĩ mà WTO đem lại cho nông

ng nghiệp và nông dân VN.

Những tác động đến nông nghiệp và nông thôn VN thời WTO

Nhìn chung, mức thuế nông nghiệp bình quân theo cam kết (20,9%) được đánh giá ưu đãi hơn so với Trung Quốc (15%) nhưng vẫn thiệt thòi hơn nếu so các nước láng giềng ASEAN, khác. Như Thái Lan và Philippines được áp dụng mức thuế nông nghiệp lần lượt là 26% và 34%. Một nước kém phát triển vừa gia nhập WTO năm 2003 là Nepal cũng được áp dụng mức thuế nông nghiệp bình quân là 42%. Đáng lưu ý là Trung Quốc chấp nhận mức thuế nông nghiệp thấp bởi họ đang có ngành công nghiệp chế tạo giàu tiềm năng, đẩy sức mạnh. Hy sinh ngành nông nghiệp để đổi lấy những lợi ích khổng lồ từ việc xuất khẩu hàng công nghiệp chế tạo là điều dễ hiểu. Hiện công nghiệp chế tạo xuất khẩu VN chưa có những điều kiện tương tự. Cho nên, vẫn còn đó nhiều lý do để chúng ta lo lắng vì chưa thấy một lợi ích từ ngành công nghiệp mang lại có khả năng đánh đổi với những hy sinh từ khu vực nông nghiệp nếu như so sánh với trường hợp Trung Quốc.

Theo cam kết của VN, lộ trình giảm thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm thịt sau năm năm sẽ như sau: thịt bò giảm từ 20% xuống còn 14%, thịt heo từ 30% còn 15%, thịt gà còn 20%. Với mức thuế này, nhiều đánh giá cho rằng khó có khả năng thịt bò và thịt heo ngoại tràn vào VN, cạnh tranh với thịt nội. Lý do là các loại thịt ngoại này đang có giá khá cao, nếu tính luôn phần thuế nhập khẩu giảm thì mức giá còn lại vẫn còn rất cao so với hàng trong nước. Tuy nhiên, do thị trường thịt bò VN còn lớn nên thịt bò ngoại có thể có thị phần riêng. Thịt bò nhập có thể đáp ứng thị hiếu tiêu dùng của một bộ phận người nước ngoài hay người có thu nhập cao. Tương tự là sản phẩm thịt heo, hiện thuế nhập khẩu theo cam kết AFTA chỉ còn 5% nhưng sản phẩm một số nước như Trung Quốc và Thái Lan có ngành chăn nuôi heo tương

đương VN vẫn chưa vào được do giá ở VN đang ở mức thấp. Thị trường thịt gà có thể có nhiều gà nhập khẩu hơn. Tuy nhiên, đó chỉ là sản phẩm chặt mảnh đông lạnh phục vụ cho chế biến thức ăn nhanh. Thị hiếu tiêu dùng vẫn chuộng gà Việt do còn nguyên con, tươi sống, và có vị truyền thống riêng.

Có thể dự báo rằng các loại thịt nhập khẩu sẽ gia tăng sau khi VN gia nhập WTO nhưng mức tăng được cho rằng không đáng kể. Vì vậy, người chăn nuôi gia súc, gia cầm sẽ không bị ảnh hưởng nhiều của thịt nhập khẩu. Thậm chí người chăn nuôi còn nhiều điều kiện để mở rộng quy mô sản xuất do lượng cung thịt trong nước hiện nay chưa đáp ứng đủ nhu cầu. Thuế nhập khẩu con giống cũng là điều kiện để chọn giống tốt và giảm giá thành. Nếu cải tạo được con giống và ứng dụng phương thức nuôi cho năng suất cao, người chăn nuôi hoàn toàn có nhiều khả năng tăng thu nhập. Thách thức lớn nhất trong chăn nuôi là việc thực hiện cam kết về Các biện pháp vệ sinh và kiểm dịch động thực vật (SPS) ngay sau khi VN trở thành thành viên WTO. Hiệp định này đòi hỏi các tiêu chuẩn quốc gia trông sản xuất nông nghiệp, những tiêu chuẩn mà những người sản xuất nghèo, quy mô nhỏ, nhất là vùng sâu vùng xa không dễ gì hoàn thành. Và nếu thực hiện không tốt thì xuất khẩu từ ngành chăn nuôi VN sẽ gặp khó khăn do phải tuân thủ các qui định nghiêm ngặt từ WTO.

Một số mặt hàng nông sản truyền thống như gạo, chè, hạt điều, cà phê, tiêu... đang có lợi thế cạnh tranh nên có khả năng mở rộng thị trường. Thông tin gia nhập WTO có thể kích thích sự ra đời các doanh nghiệp nông nghiệp tư nhân kinh doanh các sản phẩm này. Tuy nhiên, khi mà năng lực sản xuất và cung cấp còn nhỏ lẻ, chưa chuyên nghiệp thì cũng khó tăng nhanh sản lượng xuất khẩu. Như việc xuất khẩu gạo chẳng hạn, liên trong hai năm 2005 và 2006 chính phủ VN đều phải ra quyết định hạn chế xuất khẩu nhằm đảm bảo an ninh lương thực. Như thế, nhiều khả năng người nông dân trồng

các loại cây trồng này hưởng lợi nếu được tham gia trực tiếp nhiều hơn vào thị trường thế giới. Trong điều kiện hiện nay, phần lớn lợi nhuận nằm trong tay các doanh nghiệp thu mua trung gian hơn là những người nông dân. Điều này gợi ý hơn nữa vai trò của chính phủ khi xác định một mạng lưới phân phối giá trị các sản phẩm nông nghiệp từ sản xuất cho đến tiêu dùng cuối cùng khi xuất khẩu chúng.

Các ngành nông sản khác như bông, bắp và sữa dự báo sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Những ngành hàng này trước đây đều có mức nhập khẩu khá lớn do sản xuất chưa đủ mạnh để đáp ứng nhu cầu hay cạnh tranh với thế giới. Như theo Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, ước tính VN sản xuất khoảng 110 ngàn tấn các chất sữa trong năm 2005, tăng gấp đôi so với mức 54 ngàn tấn của năm 2000, nhưng chỉ đáp ứng được 15% nhu cầu tiêu dùng, do đó phải nhập khẩu 85% còn lại. Hiện trung bình mỗi người tiêu thụ khoảng 9kg sữa/năm, ước tính con số này vào năm 2010 là hơn 13kg/người/năm, lượng sữa nhập khẩu sẽ còn tăng nhiều hơn, đặc biệt trong điều kiện được giảm thuế. Sữa, bông và bắp cũng chính là những mặt hàng mà các nước có nền nông nghiệp tiên tiến như Mỹ trợ cấp dưới nhiều. Hiện VN đang nhập rất nhiều bông vải và bắp từ các doanh nghiệp Mỹ. Sau khi giảm thuế nhập khẩu, chắc chắn những sản phẩm này sẽ được nhập nhiều hơn, nông dân trong ngành sản xuất này ắt phải bị sụt giảm thu nhập và thậm chí là ngừng canh tác. Hình ảnh tương tự từ Trung Quốc từ các sản phẩm này là bằng chứng rõ nhất.

Khi mà một số mặt hàng nông sản có thể phải gặp khó khăn do tăng nhập khẩu và các ngành hàng nông sản còn lại chưa đủ điều kiện mở rộng thì thu nhập của nông dân sẽ lệ thuộc việc làm trong khu vực phi nông nghiệp có hàm lượng lao động cao. Trong đó, dệt may và da giày là những ngành hàng đáng quan tâm do tiềm năng tăng trưởng của chúng trong những năm

qua. Tuy vậy, những niềm hy vọng có thể không còn nếu những phân tích sau đây trở thành hiện thực:

Trước hết là đối ngành hàng dệt may, tăng trưởng xuất khẩu trong những năm qua khiến việc đánh giá tương đối lạc quan. Nhưng cần phải biết con số xuất khẩu chỉ chiếm 50% giá trị sản lượng, 50% còn lại đang được tiêu thụ trên thị trường nội địa. Khi tham gia Hiệp định dệt may, thuế sẽ giảm đáng kể, cụ thể vải từ 40% xuống 12%, quần áo từ 50% xuống 20%, sợi từ 20% xuống 5%. Trước khi gia nhập WTO thì hàng dệt may trong nước cũng đã gặp rất nhiều khó khăn khi cạnh tranh với hàng ngoại do chưa định hình thương hiệu. Vì vậy, cạnh tranh sau WTO có gay gắt hơn buộc giá phải thấp hơn, khả năng của các doanh nghiệp nhỏ phụ thuộc thị trường nội địa là một câu hỏi lớn. Việc làm trong các doanh nghiệp này thậm chí có thể sụt giảm. Trong trường hợp cạnh tranh giá rẻ thì hàng VN cũng khó theo kịp các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan. Được biết, giá gia công của doanh nghiệp Trung Quốc rẻ hơn của VN từ 10-15% do họ có lợi thế về nguồn nguyên phụ liệu trong nước.

Trong khi đó, hàng dệt may xuất khẩu của VN đang phải cạnh tranh gay gắt với các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Pakistan. Vì như Trung Quốc có giá thành gia công thấp hơn VN từ 10-15% do có lợi thế về nguồn nguyên phụ liệu trong nước có sẵn. Khi gia nhập WTO, hàng rào hạn ngạch không còn nữa, các doanh nghiệp Việt có thể nhân đó mở rộng thị trường tiêu thụ. Nhưng sự phát triển trong những năm gần sẽ chỉ ở một mức độ nhất định chứ không bùng nổ. Lý do là các yếu tố của doanh nghiệp dệt may VN chưa thể khắc phục trong thời gian ngắn. Đồng thời, hoạt động của ngành công nghiệp phụ trợ còn yếu dẫn đến việc lệ thuộc vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu.

Tương tự là ngành da giày, nghiên cứu thị trường của Vina Giày cho biết sắp tới hàng da giày VN không thể cạnh tranh với Trung Quốc ở các dòng

sản phẩm giá rẻ. Nguyên nhân là do đa số nguyên vật liệu cũng phải nhập từ Trung Quốc. Khả năng cạnh tranh của VN chỉ nằm ở các loại hàng trung và cao cấp, vốn chỉ được sản xuất bởi các doanh nghiệp lớn có công nghệ hiện đại và nghệ nhân tay nghề giỏi. Do đó, nhiều khả năng các cơ sở sản xuất tiểu thủ công phải phá sản, giấc mơ về một việc làm ở thành thị của nhiều người cũng tan biến theo.

Ngoài những tác động do giảm thuế nhập khẩu và hàng rào phi thuế như trên, mức độ ảnh hưởng của việc bãi bỏ trợ cấp xuất khẩu, trợ cấp nội địa hoá không lớn. Nguyên nhân là mức độ trợ cấp của VN trước nay không lớn do ngân sách hạn chế. Đồng thời, việc bãi bỏ trợ cấp xuất khẩu nông sản có thể không tác động nhiều đến nông dân do đối tượng được hưởng trợ cấp là doanh nghiệp.

Tất cả những phân tích trên cho thấy giấc mơ tăng thu nhập sau khi gia nhập WTO của người nông dân là có thể nhưng không phải là điều dễ dàng nếu không có những nỗ lực từ phía chính phủ và bản thân nông dân. Nhiều khả năng nông dân VN sẽ bị giảm thu nhập do phần thu nhập gia tăng không bù đắp đủ phần thu nhập mất đi. Khả năng sụt giảm thu nhập đột biến sẽ rơi vào những hộ canh tác nhỏ và tập trung sản xuất ở những ngành ít khả năng cạnh tranh như bắp, bông vải, mía đường. Thu nhập của nông dân trong các ngành sản xuất có khả năng cạnh tranh như gạo, cà phê, chè, tiêu, điều có thể sẽ tăng nhưng không nhiều. Lao động trong các ngành hàng thành thị dùng nhiều lao động như may mặc và da giày có thể tăng thu nhập nhưng chỉ chắc chắn khi họ làm trong các doanh nghiệp lớn. Từ đây, có thể thấy các hộ nông dân chỉ có thể cải thiện thu nhập khi có điều kiện chuyển sang sản xuất những loại nông sản không ảnh hưởng bởi hàng nhập khẩu hoặc tìm được việc làm trong các nhà máy công nghiệp. Kết quả sẽ dẫn đến việc chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp và tình trạng di dân ra thành thị nhiều hơn, như hình

ảnh trước đó ở nông thôn Trung Quốc. Đây chính là điểm quan trọng nhất mà các chính sách sắp tới của VN cần lưu ý.

Gợi ý chính sách nào cho nền nông nghiệp VN thời WTO?

Những phân tích trên chỉ đặt trong bối cảnh VN buộc phải thực hiện các cam kết thuế quan trong lĩnh vực nông nghiệp và chưa tính đến những chính sách đi kèm của VN. Chẳng hạn như các chính sách về đầu tư phát triển của Chính phủ, chính sách tỷ giá hối đoái và khả năng kiểm soát lạm phát. Ít hay nhiều những chính sách này sẽ tác động đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa VN, trong đó có nông sản. Do đó, đây có thể sẽ là những chính sách mà Chính phủ cần điều chỉnh để hỗ trợ nông dân nói chung hay cả nền kinh tế nói riêng. Kinh nghiệm của Trung Quốc gợi ý rằng những chính sách liên quan đến chuyển dịch cơ cấu và hỗ trợ đầu tư trong nông nghiệp có thể là "liều thuốc" chính giúp người nông dân giải tỏa cơn khát "việc làm" và gia tăng thu nhập trên những bước đường sắp tới. Lúc này, sau khi gia nhập WTO, vai trò của Chính phủ đối với ngành nông nghiệp là hết sức quan trọng.

Việc đầu tiên của Chính phủ là thúc đẩy mạnh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong đó có cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp và nông thôn. Chính phủ nên hỗ trợ nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tập trung vào các sản phẩm có khả năng cạnh tranh xuất khẩu. Việc điều chỉnh tự phát và thụ động như trước đây buộc người nông dân chịu chi phí cao mà lại không hiệu quả. Trong một số trường hợp, Chính phủ có thể áp dụng cơ chế chuyên canh tại một số vùng, miễn căn cứ vào các điều kiện sinh thái nông nghiệp và nhu cầu tiêu dùng của địa phương để cho các hoạt động thương mại và chế biến ở địa phương đó có thể tranh thủ được lợi thế về quy mô. Đối với những nông dân nghèo, sống ở các vùng sinh thái không thuận lợi thì áp dụng đa dạng hoá cây trồng và sản xuất hỗn hợp (trồng trọt

nhỏ đi kèm chăn nuôi gia súc hay nuôi cá). Ở những địa phương nhiều khó khăn, cần có thêm các biện pháp hỗ trợ trực tiếp khác (theo quy định của WTO).

Đồng thời, Chính phủ nên từng bước chuyển lao động nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ. Tạo điều kiện dịch chuyển lao động từ nông nghiệp sang các hoạt động phi nông nghiệp và các khu vực khác của nền kinh tế thông qua việc xóa bỏ chế độ quản lý nhân khẩu. Cho đến nay, chế độ hộ khẩu vẫn là một trong những nguyên nhân chính khiến người lao động nông thôn ngần ngại kiếm việc ở khu vực thành thị. Tổ chức đào tạo và đào tạo lại, trang bị cho nông dân những hiểu biết thị trường và kỹ năng làm việc mới có thể giúp nông dân, ngay cả khi họ ra thành thị hay ở lại nông thôn. Bên cạnh đó, Chính phủ có thể khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động, yêu cầu đào tạo không cao về nông thôn. Ngoài ra, duy trì và phát triển các làng nghề sản xuất tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ cũng là giải pháp thích hợp.

Thêm nữa, do các loại trợ cấp phát triển nông nghiệp nông thôn được WTO cho phép không hạn chế nên Chính phủ có thể xem xét việc tăng ngân sách đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn. Nguồn ngân sách sẽ bao gồm cả phần trước đây dùng cho khuyến khích xuất khẩu nông sản. Đầu tiên là để đầu tư phát triển thủy lợi và giao thông nông thôn. Khi sử dụng, nên xem xét loại bỏ các khoản phí mà hiện nông dân đang phải đóng góp (chẳng hạn như phí thủy lợi). Chính phủ cũng có thể hỗ trợ việc phát triển chợ nông thôn, xây dựng kho bãi, các cơ sở bảo quản, phơi sấy, tăng cường khâu chế biến nông sản. Đây là những việc cần làm ngay nhằm giảm hao hụt, bảo đảm chất lượng sản phẩm sau thu hoạch, tạo điều kiện điều tiết lượng hàng hoá lưu thông trên thị trường nhằm ổn định giá cả có lợi cho người nông dân hơn. Việc cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn là điều kiện để tăng liên kết nông thôn và thành thị, thu hút đầu tư công nghiệp

về nông thôn.

Thứ đến, chính phủ cần tăng cường đầu tư cho công tác nghiên cứu. Việc này nhằm tạo ra các giống cây trồng năng suất cao, tạo ra các giống gia súc, giống thủy cầm phù hợp với các vùng sinh thái nông nghiệp cụ thể để cung cấp cho nông dân. Nghiên cứu còn có thể giúp cải tiến các công cụ mới phục vụ sản xuất nông nghiệp. Ngoài ra, chính phủ còn có thể hỗ trợ cho việc khuyến nông, chuyển giao công nghệ, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và cung cấp thông tin thị trường cho cả người sản xuất và người tiêu thụ.

Bên cạnh đó, với sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài, Chính phủ cần tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và kinh doanh dịch vụ ở nông thôn. Chính các doanh nghiệp này sẽ thúc đẩy quá trình hình thành các vùng sản xuất hàng hoá có quy mô lớn, bảo đảm tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư cho nông dân. Các chính sách nên khuyến khích và cho phép nông dân trở thành cổ đông của các doanh nghiệp hay góp vốn sở hữu các nhà máy chế biến nông sản. Đây sẽ là một đột phá quan trọng bảo đảm thu nhập của nông dân và cung cấp ổn định nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

Và cuối cùng, gia nhập WTO là chúng ta đã đặt chân lên "con thuyền đang ngược dòng" đầy sóng gió. Chúng ta không còn có lựa chọn nào khác đó là tiến lên với những bước đi có chọn lọc. Nông dân cũng là những người trên con thuyền đó. Hãy để họ biết rằng thách thức sẽ rất nhiều nhưng cũng có những cơ hội, và quan trọng là đừng để việc gia nhập WTO của VN đến với họ chỉ với niềm hân hoan như nhận được những tin vui đầu mùa. Vậy trước hết hãy giúp họ hoàn thiện kỹ năng di chuyển ngược dòng để đi ra thị trường thế giới. Sau cùng, cũng nên gửi cho họ chiếc áo phao phòng khi rơi xuống nước. Chiếc áo phao này được trao từ tay của Chính phủ với các hỗ trợ cần thiết nhằm hoàn thiện kỹ năng cạnh tranh trong bối cảnh thị trường toàn cầu ■